

BẢNG THEO DÕI BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 766/QĐ-TTG

Tuần 06 Tháng 02/2025

STT	Tên Cơ quan	Số hoá tái sử dụng lại	Công bố vào thứ 2 hàng tuần									Chỉ tiêu Tổng hợp năm 2025
			Số hoá HS (Chứng thực điện tử), tỷ lệ quy định từ 100%	Thanh toán trực tuyến, tỷ lệ quy định 50%	Chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ quy định 50%	Chỉ tiêu mức độ hài lòng tỷ lệ quy định 100%	Chỉ tiêu Tiến độ giải quyết, Tỷ lệ quy định 90-100%	Chỉ tiêu Công khai minh bạch, tỷ lệ quy định 80%-90%	Chỉ tiêu Tổng hợp 10/02//2025	Chỉ tiêu Tổng hợp tuần trước	Tăng giảm so với tuần trước	
	Xã, thị trấn		Nhóm V	Nhóm III	Nhóm III	Nhóm IV	Nhóm II	Nhóm I				
1	UBND xã An Bình	137	80,50%	0,58%	97,1%	100%	100,00%	100,0%	86,61	88,70	-2,09	88,70
2	UBND xã Thoại Giang	98	77,60%	3,08%	92,40%	100,0%	98,51%	100,0%	86,60	82,66	3,94	82,65
3	UBND TT Phú Hòa	94	74,70%		86,40%	100,0%	100,00%	100,0%	84,43	79,16	5,27	82,41
4	UBND TT Núi Sập	2	70,50%	1,69%	90,3%	100%	100,00%	100,0%	84,19	82,45	1,74	85,88
5	UBND xã Vĩnh Trạch	0	72,70%		100,0%	100,0%	100,00%	100,0%	84,00	78,02	5,98	80,55
6	UBND Vĩnh Chánh	0	72,40%		99,1%	100%	99,13%	100,0%	83,75	78,44	5,31	85,74
7	UBND xã Định Mỹ	0	68,00%	3,57%	89,80%	100,0%	99,00%	100,0%	83,74	78,51	5,23	79,95
8	UBND xã Phú Thuận	0	71,50%		98,00%	100,0%	99,35%	100,0%	83,62	82,58	1,04	84,83
9	UBND xã Bình Thành	0	73,10%		100,00%	100,0%	97,25%	100,0%	83,56	74,63	8,93	81,53
10	UBND TT Ốc Eo	1	66,60%	0,38%	80,90%	100%	99,63%	100,0%	83,46	72,37	11,09	79,96
11	UBND xã Mỹ Phú Đông	0	70,20%		94,20%	100%	100,00%	100,0%	83,44	87,59	-4,15	87,25
12	UBND xã Tây Phú	0	71,10%	1,19%	94,90%	100,0%	94,32%	100,0%	83,18	77,86	5,32	79,31
13	UBND xã Vĩnh Phú	0	67,90%		86,80%	100,0%	99,02%	100,0%	82,75	81,53	1,22	83,73
14	UBND xã Vọng Thê	74	80,00%		98,00%	100,0%	100,00%	76,7%	81,41	82,46	-1,05	83,26
15	UBND xã Vọng Đông	8	73,70%		97,80%	100,0%	100,00%	81,8%	80,95	83,47	-2,52	83,86
16	UBND xã Vĩnh Khánh	2	73,80%		98,3%	100,0%	100,00%	73,2%	79,42	75,99	3,43	78,32
17	UBND xã Định Thành	1	70,00%	2,22%	93,50%	100,0%	100,00%	68,7%	79,23	74,74	4,49	76,44
Toàn huyện đạt		417	73,3%	1,82%	85,70%	100,0%	97,64%	100,0%	84,76	81,91	2,85	84,56

ăng giảm so với Tuần trước - 1.010 -2,9 -51,91 1,8 1,5 14,64 31,9 2,85 2,65

Chỉ tiêu Công khai minh bạch	90% trở lên	80% - dưới 90%	70% - dưới 80%	50% - dưới 70%	dưới 50%
Chỉ tiêu Tiến độ giải quyết	90% trở lên	80% - dưới 90%	70% - dưới 80%	dưới 70%	
Chỉ tiêu mức độ hài lòng	90% trở lên	80% - dưới 90%	70% - dưới 80%	50% - dưới 70%	dưới 50%
Chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến	50% trở lên	40% - dưới 50%	30% - dưới 40%	dưới 30%	
Thanh toán trực tuyến	25% trở lên	15% - dưới 25%	5% - dưới 15%	dưới 5%	
Sổ hoá Hà sơ	90% trở lên	80% - dưới 90%	70% - dưới 80%	50% - dưới 70%	dưới 50%

Số học 110 số					
Chỉ tiêu tổng hợp	90 - 100 điểm (XS)	80 - dưới 90 (tốt)	70 - dưới 80 (Khá)	50 - dưới 70 (TB)	dưới 50 (yếu)